



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 2257/QĐ - VPCNCL ngày 13 tháng 12 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm Medlatec Thái Nguyên**

Medical Testing Laboratory **Laboratory Medlatec Thai Nguyen**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medlatec Thái Nguyên**

Organization: **Medlatec Thai Nguyen Company Limited**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/ *Representative:* **Dương Thị Duyên**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Dương Thị Duyên	Các xét nghiệm được công nhận
2.	Nguyễn Linh Trang	<i>Accredited medical tests</i>

Số hiệu/ *Code:* **Med 186**

Hiệu lực công nhận có giá trị từ/ Period of Accreditation is valid from: 13/12/2023 đến/to: 12/12/2026

Địa chỉ/ *Address:* **Số nhà 12, tổ 6, phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên**

Địa điểm/ *Location:* **Số nhà 12, tổ 6, phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên**

Điện thoại/ *Tel:* **0966776944**

Fax:

E-mail: **duyen.duongthi@medlatec.com**

Website: **www.melatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 186

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**

Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) Type of sample (anticoagulant-if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Kỹ thuật xét nghiệm (Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết thanh, huyết tương (Heparin) Serum, Plasma (heparin)	Xác định hàm lượng Aminotransferase Alanin (ALT) <i>Determination of Aminotransferase Alanin (ALT) content</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.11 (2023) (Cobas C501)
2.		Xác định hàm lượng Aspartate aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST) content</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.12 (2023) (Cobas C501)
3.		Xác định hàm lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol content</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.27 (2023) (Cobas C501)
4.		Xác định hàm lượng Glucose <i>Determination of Glucose content</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.48 (2023) (Cobas C501)
5.		Xác định hàm lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid content</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.93 (2023) (Cobas C501)
6.		Xác định hàm lượng Ure <i>Determination of Urea content</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MEDTN.XN.QTKT. HSMD.96 (2023) (Cobas C501)

Ghi chú/ Note: MEDTN.XN.QTKT: Phương pháp do PXN xây dựng/ Laboratory development method



